

Số: 755 /QĐ-UBND

TP. Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định 184/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm công trình Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo số 87/TB-UBND ngày 02/6/2021 của UBND thành phố về việc thu hồi đất xây dựng công trình: Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang.

Căn cứ Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngày 23/9/2021 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 126/TTr-TTPTQĐ ngày 17/12/2021 và đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 1002/TTr-TNMT ngày 21/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi tổng diện tích **35.885,4 m²** đất do các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng đất tại phường Mỹ Lâm để xây dựng công trình Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, trong đó:

a) Nhóm đất nông nghiệp: 34.448,4 m², gồm:

- Đất trồng lúa nước còn lại: 3.630,2 m²
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác: 985,3 m²
- Đất trồng cây lâu năm: 29.832,9 m²

b) Nhóm đất phi nông nghiệp: 1.382,9 m², gồm:

- Đất giao thông: 1.125,5 m²
- Đất thủy lợi: 257,4 m²

c) Nhóm đất chưa sử dụng: 54,1 m² (Đất bằng chưa sử dụng)

(Có Danh sách chi tiết kèm theo)

Ranh giới thu hồi đất được thể hiện cụ thể trên Bản đồ đề thu hồi đất để xây dựng Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang tại phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1 tỷ lệ 1/1000 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 17/12/2021 kèm theo.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang (Chủ đầu tư), Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lâm thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có trách nhiệm giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (nếu có) đối với nhà, đất bị thu hồi đã được cấp giấy chứng nhận để Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố thực hiện điều chỉnh giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị thu hồi một phần diện tích đất) hoặc thu hồi giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị thu hồi toàn bộ thửa đất).

3. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có trách nhiệm thu nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) của người có đất bị thu hồi khi thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố để làm thủ tục thu hồi hoặc chỉnh lý theo quy định.

4. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị thu hồi một phần diện tích đất) hoặc thu hồi giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị thu hồi toàn bộ thửa đất) do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chuyển đến sau khi thực hiện việc chi trả tiền bồi thường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Giám đốc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang (Chủ đầu tư), Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Lâm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: W

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- UBND tỉnh
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND thành phố (Báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Chủ tịch UBND thành phố
- Các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở TN&MT;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông và Thể thao thành phố;
- Hội đồng bồi thường, HT & TĐC thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố;
- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang; Văn phòng Công chứng Mai Lan; Văn phòng Công chứng Ma Thị Sách; Văn phòng Công chứng Đinh Thị Bích; Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền; Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Thảo;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Để thông báo cho các Ngân hàng Thương mại biết);
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Ủy ban nhân dân Phường Mỹ Lâm;
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình;
- CVP, PCVP HĐND - UBND thành phố;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu: VT, TNMT. ĐC 40b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Nho

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BỆNH VIỆN SUỐI KHOÁNG MỸ LÂM, THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: 755/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang)

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Số thửa trên bản đồ thu hồi	Tổng diện tích (m ²)	Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất Chưa sử dụng		Ghi chú	
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất thủy lợi (DTL)	Đất giao thông (DGT)	Tổng		Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14	14	15
I	Cộng = (II+III)			35.885,4	34.448,4	29.832,9	3.630,2	985,3	1.382,9	257,4	1.125,5	54,1	54,1	
II	Hộ gia đình, cá nhân			6.327,0	6.327,0	1.828,2	3.630,2	868,6	-	-	-	-	-	
1	Nguyễn Văn Thọ	Tổ 2, Mỹ Lâm	10	38,20	38,20	-	38,20	-	-	-	-	-	-	
			14	38,60	38,60	-	38,60	-	-	-	-	-	-	
2	Phan Thị Lan (Phan Thị Nỗn)	Tổ 4, Mỹ Lâm	28	303,10	303,10	-	303,10	-	-	-	-	-	-	
			30	186,40	186,40	-	186,40	-	-	-	-	-	-	
3	Nguyễn Tiến Đông (Lê Thị Thất)	Tổ 4, Mỹ Lâm	8	89,80	89,80	-	89,80	-	-	-	-	-	-	
4	Vũ Văn Sắc (Vũ Thị Linh)	Tổ 4, Mỹ Lâm	4	248,50	248,50	-	248,50	-	-	-	-	-	-	
5	Vân Thị Hương (Nguyễn Văn Ngà)	Tổ 4, Mỹ Lâm	12	92,60	92,60	-	92,60	-	-	-	-	-	-	
6	Trịnh Thị Phi (Trương Việt Cường)	Tổ 4, Mỹ Lâm	18	224,30	224,30	-	224,30	-	-	-	-	-	-	
7	Lê Thuý Hằng	Tổ 4, Mỹ Lâm	31	320,20	320,20	320,20	-	-	-	-	-	-	-	
			36	335,20	335,20	335,20	-	-	-	-	-	-	-	
8	Lê Tứ Trụ	Tổ 3, Mỹ Lâm	29	22,10	22,10	-	22,10	-	-	-	-	-	-	
9	Lê Văn Đề	Tổ 3, Mỹ Lâm	25	280,40	280,40	-	280,40	-	-	-	-	-	-	

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Số thửa trên bản đồ thu hồi	Tổng diện tích (m2)	Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất Chưa sử dụng		Ghi chú	
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất thủy lợi (DTL)	Đất giao thông (DGT)	Tổng		Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14	14	15
10	Phan Văn Tài (đại diện ông Phan Văn Nghị đã chết)	Tổ 2, Mỹ Lâm	22	235,30	235,30	-	235,30	-	-	-	-			
11	Bùi Quyết Chiến (Nguyễn Thị Thu)	Tổ 4, Mỹ Lâm	2	135,90	135,90	-	135,90	-	-	-	-			
			5	140,70	140,70	-	140,70		-					
			11	94,90	94,90	-	94,90		-					
			9	173,60	173,60	-	173,60		-					
			16	241,30	241,30	-	241,30		-					
12	Vương Thái Sơn (Vương Văn Sơn)	Tổ 2, Mỹ Lâm	17	136,00	136,00	-	136,00	-	-	-	-			
			23	584,70	584,70	-	584,70	-	-	-	-			
			24	301,10	301,10	-	301,10	-	-	-	-			
13	Bùi Thị Hương	Tổ 4, Mỹ Lâm	34	17,70	17,70	-	17,70	-	-	-	-			
			39	280,50	280,50	280,50	-	-	-	-	-			
			39a	41,50	41,50	41,50	-	-	-	-	-			
14	Trương Mạnh Hùng	Tổ 4, Mỹ Lâm	3	110,20	110,20	-	-	110,20	-	-	-			
			13	204,40	204,40	-	-	204,40	-	-	-			
			19	554,00	554,00	-	-	554,00	-	-	-			
15	Bùi Văn Nam	Tổ 4, Mỹ Lâm	26	850,80	850,80	850,80	-	-	-	-				
16	Vương Văn Tạy	Tổ 2, Mỹ Lâm	33	45,00	45,00	-	45,00	-	-	-				

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Số thửa trên bản đồ thu hồi	Tổng diện tích (m2)	Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất Chưa sử dụng		Ghi chú		
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất thủy lợi (DTL)	Đất giao thông (DGT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)			
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14	14	15		
III	ĐẤT TỔ CHỨC			29.558,4	28.121,4	28.004,7	-	116,7	1.382,9	257,4	1.125,5	54,1	54,1			
1	Công ty Cổ phần Chè Mỹ Lâm	Tổ 4, Mỹ Lâm	46	5.193,10	5.193,10	5.193,10		-	-	-	-					
			37	4.112,90	4.112,90	4.112,90		-	-	-	-					
			41	2.810,80	2.810,80	2.810,80		-	-	-	-					
			43	3.188,90	3.188,90	3.188,90		-	-	-	-					
			32	116,70	116,70	-			116,70	-	-	-				
			40	5.298,50	5.298,50	5.298,50		-	-	-	-	-				
			47	1.128,90	1.128,90	1.128,90		-	-	-	-	-				
			20	3.624,40	3.624,40	3.624,40		-	-	-	-	-				
			20a	1,40	1,40	1,40		-	-	-	-	-				
			27	1.777,80	1.777,80	1.777,80		-	-	-	-	-				
			44	868,00	868,00	868,00		-	-	-	-	-				
			35	272,20	-	-				-	272,20	-	272,20			
			6	51,40	-	-				-	51,40	-	51,40			
			38	756,00	-	-				-	756,00	-	756,00			
2	UBND phường Mỹ Lâm	Tổ 4, Mỹ Lâm	15	54,10	-	-		-	-	-	-	54,1	54,1			
			21	257,40	-	-				257,40	257,40	-				
			1	45,90	-	-				45,90	-	45,90				

Số: 1002 /TTr-TNMT

TP. Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thu hồi đất để xây dựng công trình Bệnh viện suối khoáng
Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định 184/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm công trình Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang.

Căn cứ Thông báo số 87/TB-UBND ngày 02/6/2021 của UBND thành phố về việc thu hồi đất xây dựng công trình: Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang.

Căn cứ Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngày 23/9/2021 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố;

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 126/TTr-TTPTQĐ ngày 17/12/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang thu hồi đất, với những nội dung sau:

1. Thu hồi tổng diện tích **35.885,4 m²** đất do các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng đất tại phường Mỹ Lâm để xây dựng công trình Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, trong đó:

a) Nhóm đất nông nghiệp: 34.448,4 m², gồm:

- Đất trồng lúa nước còn lại: 3.630,2 m²
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác: 985,3 m²
- Đất trồng cây lâu năm: 29.832,9 m²

b) Nhóm đất phi nông nghiệp: 1.382,9 m², gồm:

- Đất giao thông: 1.125,5 m²
- Đất thủy lợi: 257,4 m²

c) Nhóm đất chưa sử dụng: 54,1 m² (Đất bằng chưa sử dụng)

(Có Danh sách chi tiết kèm theo)

2. Ranh giới thu hồi đất được thể hiện cụ thể trên Bản đồ để thu hồi đất để xây dựng Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang tại phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 1 tỷ lệ 1/1000 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 17/12/2021 kèm theo.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (Trình duyệt);
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Lưu: TNMT.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Văn Vượng

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BỆNH VIỆN SUỐI KHOÁNG MỸ LÂM, THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG

(Kèm theo Tờ trình số: 1002 /TT- TNMT ngày 21/12/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tuyên Quang)

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Số thửa trên bản đồ thu hồi	Tổng diện tích (m ²)	Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất Chưa sử dụng		Ghi chú	
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất thủy lợi (DTL)	Đất giao thông (DGT)	Tổng		Đất bằng chưa sử dụng (BCS)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14	14	15
I	Cộng = (II+III)			35.885,4	34.448,4	29.832,9	3.630,2	985,3	1.382,9	257,4	1.125,5	54,1	54,1	
II	Hộ gia đình, cá nhân			6.327,0	6.327,0	1.828,2	3.630,2	868,6	-	-	-	-	-	
1	Nguyễn Văn Thọ	Tổ 2, Mỹ Lâm	10	38,20	38,20	-	38,20	-	-	-	-			
			14	38,60	38,60	-	38,60	-	-	-	-			
2	Phan Thị Lan (Phan Thị Nôn)	Tổ 4, Mỹ Lâm	28	303,10	303,10	-	303,10	-	-	-	-			
			30	186,40	186,40	-	186,40	-	-	-	-			
3	Nguyễn Tiến Đông (Lê Thị Thất)	Tổ 4, Mỹ Lâm	8	89,80	89,80	-	89,80	-	-	-	-			
4	Vũ Văn Sắc (Vũ Thị Linh)	Tổ 4, Mỹ Lâm	4	248,50	248,50	-	248,50	-	-	-	-			
5	Văn Thị Hương (Nguyễn Văn Ngà)	Tổ 4, Mỹ Lâm	12	92,60	92,60	-	92,60	-	-	-	-			
6	Trịnh Thị Phi (Trương Việt Cường)	Tổ 4, Mỹ Lâm	18	224,30	224,30	-	224,30	-	-	-	-			
7	Lê Thuý Hằng	Tổ 4, Mỹ Lâm	31	320,20	320,20	320,20	-	-	-	-	-			
			36	335,20	335,20	335,20	-	-	-	-	-	-		
8	Lê Tứ Trụ	Tổ 3, Mỹ Lâm	29	22,10	22,10	-	22,10	-	-	-	-			
9	Lê Văn Đê	Tổ 3, Mỹ Lâm	25	280,40	280,40	-	280,40	-	-	-	-			

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Số thửa trên bản đồ thu hồi	Tổng diện tích (m ²)	Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất Chưa sử dụng		Ghi chú	
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất thủy lợi (DTL)	Đất giao thông (DGT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14	14	15	
10	Phan Văn Tài (đại diện ông Phan Văn Nghị đã chết)	Tổ 2, Mỹ Lâm	22	235,30	235,30	-	235,30	-	-	-	-				
11	Bùi Quyết Chiến (Nguyễn Thị Thu)	Tổ 4, Mỹ Lâm	2	135,90	135,90	-	135,90	-	-	-	-				
			5	140,70	140,70	-	140,70	-	-	-	-				
			11	94,90	94,90	-	94,90	-	-	-	-	-			
			9	173,60	173,60	-	173,60	-	-	-	-	-			
			16	241,30	241,30	-	241,30	-	-	-	-	-			
12	Vương Thái Sơn (Vương Văn Sơn)	Tổ 2, Mỹ Lâm	17	136,00	136,00	-	136,00	-	-	-	-				
			23	584,70	584,70	-	584,70	-	-	-	-	-			
			24	301,10	301,10	-	301,10	-	-	-	-	-			
13	Bùi Thị Hương	Tổ 4, Mỹ Lâm	34	17,70	17,70	-	17,70	-	-	-	-				
			39	280,50	280,50	280,50	-	-	-	-	-	-			
			39a	41,50	41,50	41,50	-	-	-	-	-	-			
14	Trương Mạnh Hùng	Tổ 4, Mỹ Lâm	3	110,20	110,20	-	-	110,20	-	-	-				
			13	204,40	204,40	-	-	204,40	-	-	-	-			
			19	554,00	554,00	-	-	554,00	-	-	-	-			
15	Bùi Văn Nam	Tổ 4, Mỹ Lâm	26	850,80	850,80	850,80	-	-	-	-	-				
16	Vương Văn Tạy	Tổ 2, Mỹ Lâm	33	45,00	45,00	-	45,00	-	-	-	-				

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ	Số thửa trên bản đồ thu hồi	Tổng diện tích (m ²)	Nhóm đất nông nghiệp				Nhóm đất phi nông nghiệp			Nhóm đất Chưa sử dụng		Ghi chú	
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Tổng	Đất thủy lợi (DTL)	Đất giao thông (DGT)	Tổng	Đất bằng chưa sử dụng (BCS)		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11	12	13=14	14	15	
III	ĐẤT TỔ CHỨC			29.558,4	28.121,4	28.004,7	-	116,7	1.382,9	257,4	1.125,5	54,1	54,1		
1	Công ty Cổ phần Chè Mỹ Lâm	Tổ 4, Mỹ Lâm	46	5.193,10	5.193,10	5.193,10		-	-	-	-				
			37	4.112,90	4.112,90	4.112,90		-	-	-	-				
			41	2.810,80	2.810,80	2.810,80		-	-	-	-				
			43	3.188,90	3.188,90	3.188,90		-	-	-	-				
			32	116,70	116,70	-			116,70	-	-	-			
			40	5.298,50	5.298,50	5.298,50		-	-	-	-	-			
			47	1.128,90	1.128,90	1.128,90		-	-	-	-	-			
			20	3.624,40	3.624,40	3.624,40		-	-	-	-	-			
			20a	1,40	1,40	1,40		-	-	-	-	-			
			27	1.777,80	1.777,80	1.777,80		-	-	-	-	-			
			44	868,00	868,00	868,00		-	-	-	-	-			
			35	272,20	-	-			-	-	272,20	-	272,20		
			6	51,40	-	-			-	-	51,40	-	51,40		
			38	756,00	-	-			-	-	756,00	-	756,00		
2	UBND phường Mỹ Lâm	Tổ 4, Mỹ Lâm	15	54,10	-	-		-	-	-	-	54,1	54,1		
			21	257,40	-	-			-	257,40	257,40	-			
			1	45,90	-	-			-	-	45,90	-	45,90		